

Số: *1406* /QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày *17* tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết
xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy kéo sợi Trà Lý**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 22/2016/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý và phân công nhiệm vụ về lĩnh vực quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Thông tư 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 54/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh về việc cho Công ty Cổ phần sợi Trà Lý Hưng Yên chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất tại xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ để thực hiện dự án đầu tư Nhà máy kéo sợi Trà Lý;

Căn cứ ý kiến Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giao ban Chủ tịch và các Phó Chủ tịch ngày 24/6/2019;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 96/BCTĐ-SXD ngày 14/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy kéo sợi Trà Lý, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên Đồ án

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy kéo sợi Trà Lý.

2. Chủ đầu tư lập quy hoạch: Công ty Cổ phần sợi Trà Lý Hưng Yên.

3. Mục tiêu và quy mô Dự án

a) Mục tiêu: Hình thành nhà máy sản xuất các loại sợi chất lượng cao, kéo sợi hoàn chỉnh góp phần thúc đẩy công nghiệp hóa - hiện đại hóa, cung cấp nguyên phụ liệu cho ngành dệt may Việt Nam, tạo thêm việc làm mới cho lao động địa phương, góp phần dịch chuyển cơ cấu kinh tế nông thôn và tăng trưởng sản xuất công nghiệp.

b) Quy mô: Nhà máy kéo sợi Trà Lý có quy mô 9.300 tấn/năm.

4. Vị trí và phạm vi ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch

Phạm vi Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy kéo sợi Trà Lý được thực hiện trên địa phận quản lý của xã Lý Thường Kiệt, huyện Yên Mỹ.

Ranh giới cụ thể như sau:

Phía Đông Bắc giáp hành lang đường nối 2 cao tốc.

Phía Đông Nam giáp đường giao thông và mương thủy lợi.

Phía Tây Nam giáp đường giao thông và sông Điện Biên.

Phía Tây Bắc giáp đất canh tác.

5. Quy mô đất đai

Khu vực lập quy hoạch chi tiết Dự án Nhà máy kéo sợi Trà Lý có quy mô khoảng 80.000m².

Cơ cấu sử dụng đất cụ thể như sau:

TT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa
1	Đất điều hành - dịch vụ công nghiệp	2.335	2,91	5
2	Đất xây dựng công nghiệp	49.295	61,61	3
3	Đất cây xanh	9.436	11,79	
4	Đất hạ tầng kỹ thuật	375	0,46	2
5	Đất giao thông	18.559	23,23	
Tổng cộng		80.000	100	

6. Quy hoạch không gian kiến trúc và phân khu chức năng

Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan và phân khu chức năng của Nhà máy được thống nhất trên toàn bộ diện tích nghiên cứu quy hoạch và được tổ chức như sau:

- Các khu chức năng của Nhà máy được hình thành trên cơ sở định hướng phát triển giao thông nội bộ kết nối với giao thông đối ngoại là đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình, đảm bảo nhu cầu giao thông vận tải cho quá trình sử dụng.

- Khu điều hành, dịch vụ với các công trình theo kiến trúc hiện đại, được bố trí ở khu vực phía Đông Bắc của Nhà máy, tiếp giáp công ra vào, thuận tiện về giao thông, quan sát và là điểm nhấn kiến trúc.

- Các lô đất xây dựng kho, xưởng sản xuất bố trí song song với trục đường nối 2 cao tốc. Các nhà kho, xưởng sản xuất được quản lý theo một tổng thể hài hoà về màu sắc và hình thức kiến trúc, đảm bảo mỹ quan và tuân thủ chiều cao, mật độ, khoảng lùi theo đúng quy hoạch.

- Khu xử lý kỹ thuật bố trí ở phía Tây khu đất, tiếp giáp đường giao thông và sông Điện Biên, thuận tiện cho việc thoát nước sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn an toàn vệ sinh môi trường theo quy định.

Các khu chức năng khác như: khu cây xanh, khu xử lý kỹ thuật, trình bày trên bản vẽ, phù hợp với không gian kiến trúc và nguyên lý quy hoạch của Nhà máy kéo sợi, đảm bảo tính khả thi của dự án.

Lưu ý: Khi cấp giấy phép xây dựng và tổ chức thi công công trình: Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm số 15; nhà kho chứa hàng số 16, 17 trong Bản đồ tổ chức không gian - kiến trúc cảnh quan (QH04) phải đảm bảo quy hoạch chi tiết nút giao giữa đường cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ và đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình.

7. Quy hoạch hệ thống giao thông

Đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình là đường giao thông đối ngoại chính, quy mô tuân thủ theo quy hoạch giao thông được phê duyệt.

Các tuyến đường nội bộ có mặt cắt điển hình như sau:

+ Đường trục chính hướng Bắc Nam và Đông Tây kết nối các khu chức năng của dự án có chiều rộng mặt đường $B_m = 10m$ (ký hiệu là mặt cắt 5-5).

+ Đường nội bộ của dự án song song với đường gom đường nối 2 cao tốc có chiều rộng mặt đường $B_m = 7,50m$ (ký hiệu là mặt cắt 1-1 và 2-2).

Mặt cắt ngang các tuyến đường khác có chiều rộng mặt đường tối thiểu là 7,5m, thống nhất như bản đồ quy hoạch giao thông.

8. Quy hoạch san nền, thoát nước mặt

a) San nền: San nền được thiết kế theo phương pháp đường đồng mức. Cao độ san nền từ +3,78 đến +3,9m. Độ dốc san nền tối thiểu 0,1%, đảm bảo thoát nước tự nhiên cho Dự án.

Cao độ khống chế san nền bằng cao độ mép đường nội bộ trong khu nhà máy.

b) Thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mưa cho khu vực được thiết kế riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa được thu gom vào hệ thống cống theo các trục đường chính, sau đó xả ra sông Điện Biên tiếp giáp phía Tây Nam của Dự án.

9. Quy hoạch cấp nước

Tổng nhu cầu cấp nước cho Nhà máy khoảng $Q = 110\text{m}^3/\text{ngđ}$. Nguồn nước cấp nước cho khu vực lập quy hoạch dự kiến lấy từ hệ thống cấp nước theo quy hoạch chung của khu vực.

Nguồn nước cấp cho hệ thống cứu hỏa được lấy từ hồ nước cảnh quan và sông Điện Biên bên ngoài Dự án.

Đường ống cấp nước được quy hoạch là đường ống cấp nước riêng hoàn toàn giữa: Cấp nước sinh hoạt và chữa cháy chạy theo các trục đường.

Các tuyến ống cấp nước cứu hỏa chính được thiết kế mạng vòng. Đường ống cấp nước đặt bên dưới vỉa hè, độ sâu đặt ống trung bình 0.7 m (tính đến đỉnh ống). Tại các góc chuyển và trị trí van, tê, cút có bố trí gô đỡ BTCT.

10. Quy hoạch cấp điện và chiếu sáng

Tổng nhu cầu cấp điện cho Nhà máy khoảng 985kW.

Nguồn điện cấp điện cho khu vực Dự án được lấy từ đường dây trên không 22kV tại khu phía Tây Bắc Dự án. Điểm đấu dự kiến: Lộ 475 E28.6.

11. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

Tổng lượng nước thải cần thu gom và xử lý khoảng $Q = 110\text{m}^3/\text{ngđ}$.

Nước thải sinh hoạt trong khu nhà điều hành được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại; nước thải công nghiệp được xử lý sơ bộ tại các nhà xưởng, sau đó được thu gom vào hệ thống thoát nước thải dẫn về khu xử lý nước thải đặt tại phía Tây của Dự án. Nước thải của dự án sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường theo quy định hướng thoát ra vị trí theo thỏa thuận đấu nối với cơ quan quản lý.

Rác thải được thu gom thủ công, về điểm tập kết trong Nhà máy, từ đó vận chuyển đến nơi xử lý tập trung, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

Điều 2. Chủ đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, UBND huyện Yên Mỹ và các sở, ngành liên quan triển khai công bố quy hoạch, xác định chỉ giới xây dựng; làm căn cứ để triển khai các bước tiếp theo của Dự án theo quy định hiện hành, quản lý xây dựng theo đúng Quy hoạch được phê duyệt và quy hoạch nút giao giữa đường cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ và đường nối hai đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình.

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các sở: Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, tham mưu Tỉnh uỷ và UBND tỉnh điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng dọc tuyến đường bộ nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình theo hướng không bố trí dải cây xanh đoạn từ nút giao đường nối hai cao tốc Chợ Bến - Yên Mỹ tới nút giao đường nối hai cao tốc với quốc lộ 39 mới.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công ty Điện lực Hưng Yên; Chủ tịch UBND huyện Yên Mỹ; Chủ tịch UBND xã Lý Thường Kiệt; Giám đốc Công ty CP sợi Trà Lý Hưng Yên và thủ trưởng các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 8

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT1^D.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Thế Cử